

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ HỘI THOẠI TRONG THI VẤN ĐÁP Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUÂN SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ DUNG

(Đại học Trần Quốc Tuấn)

1. Ngôn ngữ giao tiếp sử dụng trong thi vấn đáp giữa giảng viên và học viên ở Trường Đại học Quân sự Việt Nam ngoài những đặc điểm chung, thông thường, còn có nhiều điểm riêng, khác biệt.

Sự khác biệt đáng chú ý ở đây là: giao tiếp trong Trường Đại học Quân sự Việt Nam nói riêng và giao tiếp trong môi trường Quân đội nói chung được quy định rõ ràng cụ thể trong Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam. Ví dụ, chương III: Lễ tiết tác phong Quân nhân, mục 2: Xưng hô, Điều 39 quy định như sau: “Quân nhân gọi nhau bằng “*Đồng chí*” và xưng “*Tôi*”. Sau tiếng “*Đồng chí*” có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình định tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là “*Thủ trưởng*”. Nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “*Có*”. Khi nhận lệnh hoặc trao đổi xong công việc quân nhân phải nói “*Rõ*”. Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông thường”.

“Khi trực tiếp báo cáo, quân nhân phải chào và tự giới thiệu đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình trên một cấp và báo cáo theo chức vụ của cấp trên, khi không biết chức vụ thì báo cáo theo cấp bậc, báo cáo xong nội dung phải nói “*Hết*”.

Đối với cấp trên trực tiếp khi báo cáo, quân nhân không phải tự giới thiệu họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình...” Điều 40.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn trình bày những khảo sát thực tế tại các buổi thi vấn đáp ở Trường Đại học Trần Quốc Tuấn

(tiền thân là Trường Sĩ quan Lục quân 1), từ đó nêu lên một số đặc điểm nổi bật qua sự thể hiện ngôn ngữ hội thoại cụ thể, sinh động giữa giảng viên và học viên.

Trước hết cần thấy rằng trong Trường Đại học Quân sự Việt Nam nói riêng và Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp mang đặc điểm **Hành chính Quân sự**. Đặc điểm này biểu hiện cụ thể trong nội dung, chương trình giáo dục của các học viện, nhà trường Quân đội. Mỗi thí sinh khi trải qua kì thi tuyển sinh Đại học trở thành học viên trong các học viện, nhà trường Quân đội, ngay từ những ngày đầu bước vào môi trường Quân đội, học viên sẽ nhận được sự giúp đỡ của cán bộ đơn vị và giảng viên trong huấn luyện để quen với môi trường Quân đội.

Trong môi trường Quân đội, ngôn ngữ giao tiếp phải “thống nhất”, mang tính “Điều lệnh hóa”. Ví dụ, Quân nhân gọi nhau bằng “*đồng chí*” và xưng “*tôi*”. Theo quy định của Bộ Quốc phòng, những giảng viên đào tạo chuyên ngành ở các trường Đại học dân sự khi được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy trong các học viện, nhà trường Quân đội sẽ được dự một khóa học về “Bồi dưỡng kiến thức Quân sự”, ứng xử - trong đó có giao tiếp ngôn ngữ - phù hợp với môi trường Quân đội.

2. Trong thi vấn đáp ở Trường Đại học Quân sự Việt Nam, hội thoại bao gồm: cuộc thoại, đoạn thoại, cặp thoại và tham thoại.

Cuộc thoại là đơn vị hội thoại lớn nhất. Đó là cuộc tương tác bằng lời, tính từ khi các thoại nhân (học viên và giảng viên) gặp nhau, khởi đầu nói và nghe cho đến khi kết thúc quá trình này.

Các cuộc thoại trong thi vấn đáp thường là cuộc thoại ngắn, cơ bản là ba đoạn thoại (chiếm 96,3%), có ba cuộc thoại chứa hai đoạn thoại (chiếm 3,7%).

Theo lí thuyết một cuộc thoại thường gồm 3 phần: Đoạn thoại mở thoại, đoạn thoại thân thoại và đoạn thoại kết thoại. Trong thực tế, phần lớn các cuộc thoại trong thi vấn đáp (96,3%) đều đáp ứng yêu cầu này về mặt lí thuyết, cuộc thoại chỉ có 2 phần/đoạn thoại chiếm 3,7%:

Số đoạn thoại	Cuộc thoại	Tổng số	Tỉ lệ
3 đoạn	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51	51/54	94,4%
2 đoạn	52, 53, 54	3/54	5,6%

Trước hết chúng ta sẽ đi sâu tìm hiểu các đặc điểm của 2 phần: đoạn thoại mở thoại và đoạn thoại kết thoại trong các cuộc thoại thi vấn đáp ở Trường Đại học Quân sự Việt Nam.

Qua khảo sát của chúng tôi về 54 cuộc thoại trong thi vấn đáp ở Trường Đại học

Quân sự Việt Nam, chúng tôi nhận thấy các dấu hiệu phân định ranh giới cuộc thoại như dấu hiệu mở đầu của tất cả các cuộc thoại có đoạn thoại mở thoại và đoạn thoại kết thoại. Thứ tự lượt lời từ 1 đến 13 của đoạn thoại mở thoại hoàn toàn giống nhau:

TT lượt lời	Người nói	Lời thoại	Ghi chú
Cuộc thoại 1			
1	GV	<i>Đồng chí Nguyễn Văn Ân!</i>	Ủy viên đứng dậy gọi.
2	HV	<i>Có.</i>	HV đứng ở vị trí quy định trả lời.
3	GV	<i>Đồng chí vào vị trí nhận câu hỏi.</i>	GV ra mệnh lệnh.
4	HV	<i>Rõ.</i>	HV đi đều hoặc chạy đều vào vị trí.
5	HV	<i>Tôi Nguyễn Văn Ân, học viên tiểu đội 1 báo cáo đồng chí ủy viên tôi có mặt nhận câu hỏi.</i>	GV và HV làm thủ tục chào theo điều lệnh.
6	GV	<i>Vào vị trí nhận câu hỏi.</i>	GV ra mệnh lệnh.
7	HV	<i>Rõ.</i>	HV tiến lại gần bàn nhận câu hỏi.
8	GV	<i>Đồng chí nhận được phiếu số mấy?</i>	GV hỏi.
9	HV	<i>Báo cáo tôi nhận được phiếu số 15.</i>	HV trả lời.
10	GV	<i>Đồng chí nghiên cứu câu hỏi trả lời được không?</i>	GV hỏi.
11	HV	<i>Báo cáo tôi trả lời được.</i>	HV trả lời.
12	GV	<i>Đồng chí ra vị trí chuẩn bị thời gian 10 phút khi nào có lệnh gọi đồng chí vào vị trí trả lời câu hỏi.</i>	GV nhắc nhở quy định.
13	HV	<i>Rõ.</i>	HV chạy đều hoặc đi đều ra vị trí quy định.
...	...		
21	GV	<i>Đồng chí Nguyễn Văn Ân vào vị trí nghe nhận xét và công bố điểm.</i>	GV ra mệnh lệnh.

TT lượt lời	Người nói	Lời thoại	Ghi chú
22	HV	Rõ.	HV chạy đều hoặc đi đều vào vị trí.
23	GV	<i>Qua phần trình bày của đồng chí, thay mặt tiểu ban tôi nhận xét như sau: Vừa rồi đồng chí trả lời câu hỏi khẩu khí to, rõ; nội dung trả lời đầy đủ; kết hợp nói và làm động tác chuẩn xác; động tác tương đối đẹp và chính xác. Tồn tại: Khi trả lời tác phong đứng chưa nghiêm túc. Kết luận: Đạt 7,5 điểm. Vừa rồi là kết quả thi của đồng chí, đồng chí có ý kiến gì không?</i>	Trưởng tiểu ban đứng dậy nhận xét. HV đứng nghiêm nghe nhận xét.
24	HV	Báo cáo tôi không có ý kiến gì.	HV trả lời.
25	GV	Đồng chí kí vào biên bản thi.	GV ra mệnh lệnh.
26	HV	Rõ.	HV tiến vào bàn kí biên bản thi.
27	GV	Đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ.	GV thông báo.
28	HV	Báo cáo đồng chí trưởng tiểu ban, tôi đã hoàn thành xong nhiệm vụ thi. Hết.	HV trở về vị trí làm động tác chào báo cáo theo điều lệnh, GV chào đáp lễ.
29	GV	Đồng chí về vị trí nghỉ ngơi.	GV ra mệnh lệnh.
30	HV	Rõ.	HV chạy đều hoặc đi đều về vị trí theo quy định.

Thứ tự lượt lời của đoạn thoại kết thoại hoàn toàn giống nhau tùy thuộc vào độ ngắn dài của cuộc thoại mà thứ tự luân phiên lượt lời ở vị trí khác nhau. Thí dụ như ở ví dụ trên đoạn thoại mở thoại ở số thứ tự lượt lời là từ 1 đến 13, và đoạn thoại kết thoại là ở số thứ tự lượt lời từ 21 đến 30.

Qua sự quan sát tìm hiểu của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy rằng giữa các đoạn thoại mở thoại và đoạn thoại kết thoại thì

vấn đáp, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy các dấu hiệu phân định ranh giới cuộc thoại như dấu hiệu mở đầu đoạn thoại mở thoại với hình thức chào, giới thiệu. Đoạn thoại kết thoại có dấu hiệu kết thúc (chào tạm biệt).

Sau đây, chúng ta sẽ tiếp tục đi sâu tìm hiểu các đặc điểm của phần 2: đoạn thoại thân thoại, trong các cuộc thoại thì vấn đáp ở Trường Đại học Quân sự Việt Nam:

TT lượt lời	Người nói	Lời thoại	Ghi chú
Cuộc thoại 1			
14	GV	Đồng chí Nguyễn Văn Ân vào vị trí trả lời câu hỏi.	GV ra mệnh lệnh.
15	HV	Rõ.	HV nhận lệnh và thực hiện.
16	HV	<i>Tôi xin phép trả lời câu 1 như sau: Động tác quay tại chỗ Ý nghĩa: Để đối được nhanh chóng, chính xác, giữ được vị trí đứng, duy trì trật tự đội hình. - Động tác quay bên phải. + Khi nghe dứt động lệnh quay làm hai cử động. Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai</i>	

TT lượt lời	Người nói	Lời thoại	Ghi chú
17	GV	<i>đầu gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân phải và mũi chân phải làm chủ, phối hợp với đà xoay của người quay toàn thân sang phải 90 độ.</i> <i>Cử động 2: Đưa chân trái lên thành tư thế nghiêm.</i> <i>Được. Đồng chí nghe tôi hỏi thêm: động tác quay bên phải, khi quay sức nặng toàn thân dồn vào chân bên nào?</i>	GV hỏi thêm.
18	HV	<i>Tôi xin phép trả lời vấn đề đồng chí nêu ra: Động tác quay bên phải khi quay sức nặng dồn vào chân bên phải.</i>	HV trả lời.
19	GV	<i>Đồng chí trả lời xong câu hỏi, đồng chí ra ngoài chờ tiểu ban hội ý.</i>	GV ra mệnh lệnh.
20	HV	<i>Rõ.</i>	HV chạy đều hoặc đi đều ra vị trí quy định.

Quan sát ví dụ trên, chúng ta nhận thấy vị trí đoạn thoại thân thoại trong cuộc thoại thì vẫn đáp thông thường ở số thứ tự lượt lời từ 14 đến 20, đây là các cuộc thoại bình thường. Cuộc thoại có dung lượng lời thoại lớn, đoạn thoại thân thoại có thể là có số thứ tự lượt lời từ 14 đến 24 hoặc hơn nữa.

Dựa vào sự luân phiên lượt lời giữa giảng viên và học viên, chúng tôi nhận thấy giảng viên thường dùng câu mệnh lệnh còn học viên khi tương tác với giảng viên nhận và thực hiện mệnh lệnh của giảng viên thường dùng từ "rõ" để thực hiện mệnh lệnh mà giảng viên yêu cầu. Khi trả lời câu hỏi của giảng viên, học viên thường sử dụng từ ngữ mang tính chất lịch sự trong giao tiếp như: *Tôi xin phép trả lời ...; Tôi xin phép trình bày ...*

Hoàn cảnh giao tiếp và vai giao tiếp trong đoạn thoại thân thoại của các cuộc thoại thường có sự đặc biệt hơn. Ví dụ: từ ngữ xưng hô ngoài cặp từ ngữ "tôi - đồng chí" (theo quy định của Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam) còn thấy có sử dụng các cặp từ ngữ xưng hô khác như:

+ Giảng viên gọi học viên bằng *em*, xưng *tôi* hoặc xưng *thầy*.

+ GV gọi học viên bằng *đồng chí* nhưng học viên lại gọi GV bằng *thầy* hoặc chức vụ như *Trưởng tiểu ban coi chấm thi* hoặc *Ủy viên coi chấm thi*.

2.2. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy cấu trúc các đoạn thoại trong thi vẫn đáp biểu hiện cụ thể như sau:

Cấu trúc đoạn thoại	Đoạn thoại	Tổng số	Tỉ lệ
Một cặp thoại	1, 4, 7, 10, 13, 16, 19, 22, 25, 28, 31, 34, 37, 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64, 67, 70, 73, 76, 79, 82, 85, 88, 91, 94, 97, 100, 103, 106, 109, 112, 115, 118, 121, 124, 127, 130, 133, 136, 139, 142, 145, 148, 151	51/159	32,1%
Hai cặp thoại	2, 4, 8, 12, 14, 20, 26, 30, 32, 38, 42, 44, 50, 56, 62, 68, 72, 74, 76, 78, 80, 82, 84, 86, 88, 90, 92, 94, 96, 98, 100, 102, 104, 106, 110, 112, 116, 118, 122, 124, 128, 130, 134, 136, 138, 140, 142, 144, 146, 148, 152	51/159	32,1%
Ba cặp thoại	3, 6, 9, 12, 15, 18, 21, 24, 27, 30, 33, 36, 39, 42, 45, 48, 51, 54, 57, 60, 63, 66, 69, 72, 75, 78, 81, 84, 87,	57/159	35,8%

Cấu trúc đoạn thoại	Đoạn thoại	Tổng số	Tỉ lệ
	90, 93, 96, 99, 102, 105, 108, 111, 114, 117, 120, 123, 126, 129, 132, 135, 138, 141, 144, 147, 150, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159		

Có thể nhận thấy rằng các đoạn thoại trong thi vấn đáp có dung lượng cấu trúc bình thường chủ yếu là những đoạn thoại có một cặp thoại (32,1%), hai cặp thoại (32,1%) và ba cặp thoại (35,8%). Cấu trúc đoạn thoại như vậy hoàn toàn phù hợp với đích giao tiếp mà học viên và giảng viên hướng tới, đó là thông tin, mệnh lệnh và nhận lệnh để thực hiện. Hoàn cảnh giao tiếp góp phần thể hiện chủ đề giao tiếp.

Theo kết quả mà chúng tôi thống kê được thì 159 đoạn thoại (trong thi vấn đáp) gồm có 334 cặp thoại. Các cặp thoại này được cấu trúc theo cả ba dạng: cặp thoại một tham thoại, cặp thoại hai tham thoại và cặp thoại phức tạp.

a) Cặp thoại một tham thoại

Có 51 cặp thoại một tham thoại trong thi vấn đáp chiếm 15,3%.

Ví dụ:

+ GV: *Nằm chuẩn bị! Sẵn sàng, chạy!*

HV: Thực hiện theo yêu cầu.

+ GV: *Sẵn sàng, chạy!* (câu này có “sẵn sàng” là dự lệnh, còn “chạy” là động lệnh).

HV: Thực hiện theo yêu cầu.

b) Cặp thoại hai tham thoại

Trên thực tế, đây cũng là dạng cặp thoại chiếm số lượng tương đối lớn trong hội thoại thi vấn đáp, gồm 102 cặp thoại chứa hai tham thoại (30,5%). Ví dụ:

+ Cặp hỏi – đáp:

GV: *Đồng chí nhận được phiếu số bao nhiêu?*

HV: *Báo cáo, tôi nhận được phiếu số 15.*

GV: *Đồng chí nghiên cứu kỹ câu hỏi xem có trả lời được không?*

HV: *Báo cáo, tôi trả lời được.*

+ Cặp ra mệnh lệnh - thực hiện mệnh lệnh:

GV: *Đồng chí vào nhận câu hỏi.*

HV: *Rõ.*

GV: *Đồng chí về vị trí quy định.*

HV: *Rõ.*

c) Cặp thoại phức tạp

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, dạng cặp thoại phức tạp trong thi vấn đáp chiếm tỉ lệ tương đối cao, có 171 cặp thoại chứa ba tham thoại (54,2%). Ví dụ:

GV: *Đồng chí Nguyễn Văn Ân vào vị trí nghe nhận xét và công bố điểm.*

HV: *Rõ.*

GV: *Qua phần trình bày của đồng chí, thay mặt tiểu ban tôi nhận xét như sau: Vừa rồi đồng chí trả lời câu hỏi khẩu khí to, rõ; nội dung trả lời đầy đủ; kết hợp nói và làm động tác chuẩn xác; động tác tương đối đẹp và chính xác. Tồn tại: Khi trả lời tác phong đứng chưa nghiêm túc. Kết luận: Đạt 7,5 điểm. Vừa rồi là kết quả thi của đồng chí, đồng chí có ý kiến gì không?*

HV: *Báo cáo tôi không có ý kiến gì.*

GV: *Đồng chí ký vào biên bản thi.*

HV: *Rõ.*

GV: *Đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ.*

HV: *Báo cáo đồng chí trưởng tiểu ban, tôi đã hoàn thành xong nhiệm vụ thi. Hết*

GV: *Đồng chí về vị trí nghỉ ngơi.*

HV: *Rõ.*

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy một điều rất thú vị là: các cuộc thoại trong thi vấn đáp ở Trường Đại học Quân sự Việt Nam hình thức dạng song thoại rất hiếm gặp mà chủ yếu dạng tam thoại sau đó đến đa thoại.

Hình thức	Cuộc thoại	Tổng số	Tỉ lệ
Song thoại	52, 53, 54	3/54	5,55%
Tam thoại	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22,	43/54	79,65%

Hình thức	Cuộc thoại	Tổng số	Tỉ lệ
	23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48.		
Đa thoại	32, 33, 34, 35, 36, 49, 50, 51	8/54	14,8%

3. Cuộc thoại trong thi văn đáp, số lượng thoại nhân tỉ lệ thuận với dung lượng cuộc thoại. Có nhiều cuộc tam thoại dài, dung lượng lớn ví dụ như cuộc thoại số 31. Cơ bản những cuộc tam thoại, đa thoại trong thi văn đáp thông thường có tối đa là 32 lượt lời. Độ dài trung bình của các cuộc thoại phụ thuộc vào sự chủ động của các thoại nhân. Hình thức các cuộc thoại trong thi văn đáp thay đổi rất linh hoạt. Có những cuộc thoại từ tam thoại chuyển sang đa thoại và ngược lại.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2007), *Đại cương ngôn ngữ học tập 2*, Nxb GD, H.
2. Điều lệnh *Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam* (2010).
3. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb GD, H.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Phân tích hội thoại*, Viện Thông tin KHXH, H.
5. Labov (1970), *"Nghiên cứu ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội" "ngôn ngữ, văn hóa và xã hội- Một cách tiếp cận liên ngành*. (Người dịch: Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Tử Quân, hiệu đính: Cao Xuân Hạo, Lương Văn Huy, Lí Toàn Thắng - 2006), Nxb Thế giới, H.
6. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, H.
7. Tạ Thị Thanh Tâm (2005), *Vai giao tiếp và phép lịch sự trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ số 1.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 16-09-2011)

(VỀ TỪ “TIẾP”... tiếp theo trang 8)

Song điều mà ít ai ngờ tới là vị từ trung tâm có thể không gắn với sự gián đoạn, miễn là có một cái mốc mà người ta đang chờ đợi. Do vậy ví dụ (i) sau đây sẽ khác với ví dụ (k) và (l):

i. Nó đang ngủ say thì chuông điện thoại reo. Nó vội chộp lấy máy điện thoại, nghe, rồi lại lẩn ra ngủ tiếp.

k. Thằng bé hí hoáy viết. Thầy giáo bảo: “Hết giờ, dừng lại!”. Nó vẫn viết tiếp như không có gì xảy ra.

l. Nó đang ăn. Tôi vào. Nó vẫn ăn tiếp, không thèm ngẩng lên.

Việc viết, việc ăn không hề gián đoạn. Nhưng rõ ràng có một cái mốc thời gian mà lẽ ra việc viết, việc ăn phải bị dừng lại.

Như vậy, ý nghĩa của tiếp liên quan đến sự liên tục hay gián đoạn, liên quan đến tính chất hoàn thành/ chưa hoàn thành của sự tình.

Từ ý nghĩa của tiếp, chúng tôi nhận thấy, cách tri nhận thời gian và phân dòng diễn tiến của sự việc không đơn giản. Đôi khi, chủ thể và vị từ trung tâm không quan trọng, điều quan trọng lại là người nghe chú ý vào phần nào, quan tâm đến điểm nào trong cả dòng tiến triển.

Tài liệu tham khảo

1. Asher R.E. (1994), *The encyclopedia of language and linguistics*. Volum1. Pergamon press. Oxford. New York. Seoul. Tokyo.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.
3. Trần Kim Phụng (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt - những vấn đề về thời, thể*, NXB Giáo dục.
4. Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-09-2011)